TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/DS-ST
Ngày: 18-10-2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Ngô Bá Đức
2. Bà Đoàn Lệ Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Toà án N dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 239/2021/ QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Triể,** sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp, xã P, huyện M, tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Trương Thị Ngọc N**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp Q, xã T, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T trình bày:

Từ đầu năm 2019 đến ngày 07/01/2020 ông T có hợp đồng mua bán dừa trái với bà N, hợp đồng bằng lới nói, không có lập thành văn bản. Thông thường thì khoảng 03-04 ngày thì ông T giao một chuyến hàng cho bà N. Hai bên thông nhất bà N sẽ báo giá dừa trái cho ông T trước khoảng 03 ngày, đồng thời ông T sẽ báo số lượng dừa sẽ bán cho bà N biết, hai bên chốt số lượng và giá cả. Khi hai bên chốt đơn hàng thì sẽ thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền hàng của từng đợt. Thông

thường thì bà N thanh toán tiền mặt ngay khi nhận hàng, trường hợp mua trả sau thì hai bên thỏa thuận khoảng 03-04 ngày sau khi nhận hàng thì thanh toán tiền hàng. Bà N là người trực tiếp xuống bãi dừa của ông T ở xã P để cân dừa, sau đó bà N cho xe xuống chở dừa hoặc ông T cho xe chở dừa lên nhà bà N ở ấp Q, xã T. Tiền dừa sẽ do bà N thanh toán cho ông T bằng tiền mặt hoặc chuyển khoảng. Sau khi nhận được dừa thì bà N viết hóa đơn và chụp hình gửi qua điện thoại cho anh T kiểm tra lại số lượng dừa đã bán và theo dõi nợ tiền hàng. Thời gian đầu thì bà N thực hiện đúng thỏa thuận giữa hai bên. Đối với hai chuyến hàng cuối cùng ngày 06/01/2020 và ngày 07/01/2020 thì hai bên thỏa thuận sau 03 ngày bà N sẽ thanh toán tiền hàng, tới hạn bà N không trả được, do lúc này cận tết âm lịch nên ông T đồng ý cho bà N trả chậm nhất ngày 20/01/2020. Đến hạn ông T nhiều lần yêu cầu thanh toán tiền hàng nhưng bà N không thực hiện. Hiện bà Ncòn nợ tiền dừa của ông T gồm hai hóa ngày 06/01/2020 và ngày 07/01/2020 với số tiền tổng cộng là 26.113.000 đồng . Ông T khởi kiện yêu cầu bà Ncó nghĩa vụ trả cho ông T số tiền dừa còn nợ là 26.113.000 đồng, ông T xin rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Tại bản khai, biên bản lấy lời khai bà Trương Thị Ngọc N trình bày:

Bà có làm trung gian mua bán dừa trái, dừa ký giữa ông T và ông Trần Thanh D tên gọi khác là Th, ở huyện G, tỉnh L, do bà N giới thiệu ông T để ông D quen biết thỏa thuận mua bán. Bà không phải là người mua dừa trái, dừa ký của anh T như anh T trình bày trong đơn.Thời gian đầu mỗi lần ông Dh mua dừa trái, dừa ký của anh T thì anh D đến trực tiếp nhà anh T để xem dừa, mua dừa và trực tiếp trả tiền mặt cho ông T nhận và điều có bà N chứng kiến. Đến giữa tháng 12/2019 trở về sau thì do ông D ở xa nên ông T đồng ý cho ông D trả dần tiền dừa, nợ khoảng 02 - 03 phiếu mua hàng thì mới trả tiền dừa một lần. Giữa bà N và ông D có thỏa thuận, bà N trực tiếp đến gặp T thỏa thuận mua dừa, cân dừa và nhận dừa chở về nhà bà. Sau khi cân dừa và nhận dừa từ ông T về bà N cho dừa vào bao xong thì ông D thuê xe đến chở về cơ sở của ông D. Sau đó ông D chuyển khoảng tiền dừa cho bà Nđể bà trả tiền dừa cho ông T thay anh D. Khi ông T có dừa thì điện thoại cho bà N, bà N là người trực tiếp đến bãi dừa của ông T để cân dừa, sau khi cân dừa thì bà N viết hóa đơn để xác định khối lượng dừa, giá dừa và tổng số tiền dừa của từng chuyến hàng và giao hóa đơn cho anh T giữ để tiện theo dõi, ngoài ra không lập biên nhận nào khác. Toàn bộ nội dung của hai hóa đơn ngày 06/01/2020 và 07/01/2020 mà ông T cung cấp là do bà N viết; hóa đơn ngày 07/01/2020 xác nhận bà N có nhận của ông T số dừa ký trị giá 11.534. 000 đồng; hóa đơn ngày 06/01/2020 xác nhận bà N có nhận số dừa ký, dừa mứt của anh T trị giá 14.579.000 đồng. Lần cuối cùng bà N nhận dừa từ ông T là ngày 13/01/2020 và hai bên chốt lại từ ngày 03/01/2020 đến ngày 13/01/2020 bà N đã nhận của anh T 06 chuyến hàng với 06 Hóa đơn với tổng số tiền là 104.680.000 đồng và tiền nợ cũ là 14.679.000đồng, cụ thể:

Hóa đơn ngày 04/01/2020 số tiền 17.758.000 đồng.

Hóa đơn ngày 06/01/2020 số tiền 14.579.000 đồng.

Hóa đơn ngày 07/01/2020 số tiền 11.534.000 đồng.

Hóa đơn ngày 09/01/2020 số tiền 11.818.000 đồng.

Hóa đơn ngày 12/01/2020 số tiền 18.257.000 đồng.

Hóa đơn ngày 13/01/2020 số tiền 16.055.000 đồng.

Sau đó, ông D có chuyển khoảng tiền dừa qua cho bà, bà có đưa tiền dừa lại cho ông T nhiều lần, không nhớ rõ ngày giao tiền, số tiền và giao tiền của hóa đơn nào vì hai bên không lập biên nhận, hiện ông D chỉ còn nợ ông T số tiền 19.000.000 đồng. Bà N xác định ông D mới là người mua dừa của ông T đối với cac hóa đơn trên, bà chỉ là trung gian trong giao dịch này nên chỉ đồng ý trả số tiền 9.500.000 đồng để chia sẽ rũi ro cùng ông T.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng qui định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị Ngọc N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền dừa còn nợ là 26.113.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Ngọc N có nghĩa vụ trả số tiền nợ mua bán dừa là 26.113.000 đồng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Trương Thị Ngọc N có địa chỉ nơi cư trú tại xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án N dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ "Hoá đơn" ghi ngày 06/01/2020 và ngày 07/01/2020 do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận, theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 157 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ mua bán tài sản: Xét ý kiến của các đương sự cho thấy giữa ông T và bà N có việc giao nhận dừa của hai hóa đơn ngày 06/01/2020 với giá trị tài sản là 14.579.000đồng và hóa đơn ngày 07/01/2020 với giá trị tài sản là 11.534.000 đồng, trong đó ông T là bên giao, bà N là bên nhận; việc thỏa thuận mua bán dừa, giá cả, phương thức thanh toán, phương thức giao nhận dừa, thời điểm giao nhận dừa, địa điểm giao nhận dừa giữa hai bên của hai hóa đơn này đều do bà N trực tiếp thỏa thuận với ông T; bà N là người trực tiếp nhận dừa từ ông T và bà N cũng là người trực tiếp thỏa thuận mua bán dừa và thanh toán tiền dừa cho ông T trong những đợt hàng trước đó. Việc bà N cho rằng ông Trần Thanh Danh mới là người trực tiếp mua bán dừa với ông T của hai hóa đơn ngày 06/01/2020 và ngày 07/01/2020, bà N chỉ là trung gian, làm thuê cho ông Danh nhưng bà N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này của bà N là có cơ sở, cũng không chứng minh được giữa ông Danh và ông T có thỏa thuận hay ký kết hợp đồng mua bán dừa của hai hóa đơn trên; ông T cũng không thừa nhận lời trình bày này của bà N. Từ đó có cơ sở xác định giao dịch mua bán dừa của hai hóa đơn ngày 06/01/2020 và ngày 07/01/2020 là giao dịch giữa ông T và bà N; do đó bà N phải có trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền dừa còn nợ cho ông T. Nếu bà N có cơ sở chứng minh đã giao dừa cho ông Danh và hiện ông Danh còn nợ bà N tiền dừa thì bà N có quyền khởi kiện ông Danh bằng một vụ kiện dân sự khác.

[2.2] Bà N cho rằng lần cuối cùng bà nhận dừa từ ông Triển là ngày 13/01/2020 và hai bên tổng kết từ ngày 03/01/2020 đến ngày 13/01/2020 bà N đã nhận của ông Triển 06 chuyến hàng tương đương với 06 hóa đơn với số tiền tổng cộng là 104.680.000 đồng và nợ cũ là 14.679.000đồng, trong đó có hóa đơn ngày 06/01/2020 số tiền 14.579.000 đồng, hóa đơn ngày 07/01/2020 số tiền 11.534.000 đồng. Sau đó, bà N có giao tiền dừa lại cho ông Triển nhiều lần nhưngkhông nhớ rõ thời gian, cũng không xác định được giao tiền dừa của hóa đơn nào, hiện chỉ còn nợ lại 19.000.000 đồng trong số tiền dừa của 06 hóa đơn nêu trên vì ông Danh không chuyển tiền để trả và bà N xác định số tiền nợ này là ông Danh nợ ông T, nhưng bà N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày này của bà là có cơ sở, ông T cũng không thừa nhận lời trình bày này của bà N. Do đó, ông T yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền dừa là 26.113.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Ông T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[2.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền dừa còn nợ là 26.113.000 đồng.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.305.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, cụ thể:

1. Buộc bà Trương Thị Ngọc N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền dừa còn nợ là 26.113.000 đồng (hai mươi sáu triệu một trăm mười ba ngàn đồng). Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Trương Thị Ngọc N chịu án phí là 1.305.000 đồng (một triệu ba trăm lẻ năm ngàn đồng)

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 744.000 đồng (bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0007032 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho ông Nguyễn Văn T.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định. Viện kiểm sát N cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự [2b] ;
- TAND tỉnh Bến Tre [1b] ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam [1b];
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam [1b];
- Lưu HS, VP [3b] TC:8b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm N dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự [2b] ;
- TAND tỉnh Bến Tre [1b] ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam [1b];
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam [1b];
- Lưu HS, VP [3b] TC:8b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang